| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 596 /KH-UBND | *Đà Nẵng, ngày 23 tháng 11 năm 2026* |

# KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030**

Thực hiện Quyết định số 1140-QĐ/TU ngày 15/9/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt Đề án "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2026–2030; Công văn số 3972-CV/ĐU ngày 16/9/2026 của Đảng uỷ UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Đề án "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm", UBND thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" ở vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2030; gắn việc thực hiện Đề án với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bào DTTS và miền núi và các chương trình, kế hoạch có liên quan của thành phố.

- Tạo chuyển biến thực chất về nhận thức, tư duy và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc và thay đổi tư duy hành động của Nhân dân vùng đồng bào DTTS và miền núi; chuyển mạnh từ phương thức hỗ trợ dàn trải sang hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm theo nhu cầu thực tế, phù hợp với điều kiện từng địa bàn, từng nhóm dân cư gắn với đánh giá rõ kết quả đầu tư; chuyển từ đầu tư đơn lẻ sang đầu tư liên kết chuỗi giá trị; từ giải quyết khó khăn trước mắt sang tạo sinh kế bền vững; nâng cao chất lượng nguồn lực và năng lực tự chủ người dân, từng bước giảm sự phụ thuộc vào chính sách hỗ trợ, tạo nền tảng để đồng bào tự lực vươn lên.

- Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào DTTS và miền núi theo hướng sát thực tiễn, đúng nhu cầu, phát huy sự tự giác tham gia của người dân, tập trung giải quyết những vấn đề thiết thực, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; góp phần phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng, an ninh.

### 2. Yêu cầu

- Đảm bảo Nhân dân làm trung tâm, chủ thể, động lực; mọi chủ trương, giải pháp phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, điều kiện thực tế và lợi ích của người dân; lấy sự chuyển biến về đời sống vật chất, tinh thần, năng lực tự chủ của người dân làm thước đo hiệu quả thực hiện.

- Triển khai phù hợp với điều kiện từng địa bàn, từng dân tộc tại 37 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tăng cường kiểm tra thực địa, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, mô hình không còn phù hợp.

- Thực hiện nguyên tắc 6 rõ: "rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực, rõ kết quả, sản phẩm". Việc phân bổ nguồn lực phải có trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, tránh dàn trải, trùng lặp, chồng chéo.

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

**1. Phạm vi:** 37 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Đề án[1].

**2. Đối tượng:** Các sở, ban, ngành, UBND 37 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi và Nhân dân các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

**3. Nội dung thực hiện:** "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" của hệ thống chính trị và Nhân dân ở các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2030, trọng tâm tập trung vào công tác phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

**4. Thời gian thực hiện**: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

## III. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, nếp nghĩ, cách làm của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển chung của thành phố trong tình hình mới. Trọng tâm là đổi mới tư duy quản lý, điều hành và phương thức vận động Nhân dân; chuyển mạnh từ "hỗ trợ" sang "đồng hành", từ "làm thay" sang "hướng dẫn"; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần chủ động vươn lên trong phát triển kinh tế - xã hội; tích cực ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới phương thức sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, ổn định và sắp xếp dân cư gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh… góp phần thực hiện Chương trình hành động số 62-CTr/TU ngày 06/4/2026 của Thành ủy và Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030.

### 2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

#### 2.1. Một số chỉ tiêu chung

- Tăng trưởng kinh tế bình quân các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc

---

[1] Theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND thành phố, Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo), gồm các xã (1) Trà My, (2) Thạnh Bình, (3) Nông Sơn, (4) Hiệp Đức, (5) Thượng Đức; (6) Lãnh Ngọc, (7) Tiên Phước, (8) Sơn Cẩm Hà, (9) Quế Phước, (10) Trà Liên, (11) Trà Giáp, (12) Trà Tân, (13) Trà Đốc, (14) Nam Trà My, (15) Trà Tập, (16) Trà Vân, (17) Trà Linh, (18) Trà Leng, (19) Thạnh Mỹ, (20) Bến Giằng, (21) Nam Giang, (22) Đắc Pring, (23) La Dêê, (24) La Êê, (25) Sông Vàng, (26) Sông Kôn, (27) Đông Giang, (28) Bến Hiên, (29) A Vương, (30) Tây Giang, (31) Hùng Sơn, (32) Phước Trà, (33) Khâm Đức, (34) Phước Năng, (35) Phước Chánh, (36) Phước Thành, (37) Phước Hiệp.

gia giai đoạn 2027-2030 vùng đồng bào DTTS và miền núi thấp hơn 14%. Phấn đấu 70% số xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; 90% thôn đạt chuẩn văn hóa; 20% số thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

- Có 100% số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 60% số thôn có đội văn hóa, văn nghệ. Có 62,16% (23/37) số xã vùng đồng bào DTTS và miền núi, biên giới có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú; tỷ lệ hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học sinh tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã biên giới đạt 100%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,54%.

- Có 100% thôn được phủ sóng di động và kết nối Internet băng rộng; tỷ lệ xóa vùng lõm sóng viễn thông đạt 100%, tỷ lệ xóa điểm trắng điện lưới đạt 99,8%. Khoảng 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông; 100% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%; phấn đấu 100% diện tích rừng trồng đủ tiêu chí được cấp mã số vùng trồng; phấn đấu hoàn thành công tác giao đất - giao rừng, phân định ranh giới và số hóa 100% diện tích rừng. Phấn đấu giảm trên 70% số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp và giảm ít nhất 25-30% số vụ cháy gây thiệt hại về tài nguyên rừng so với giai đoạn 2021-2025.

- Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở vào sinh sống ở các khu tái định cư an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Có 100% số xã đạt cơ sở vững mạnh toàn diện về quốc phòng, an ninh.

**2.2. Một số chỉ tiêu cụ thể**

- Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ. Thu nhập bình quân người DTTS bằng 1/2 bình quân chung cả nước. Phần lớn các hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực miền núi có tham gia hoạt động bảo vệ, phát triển kinh tế rừng, dịch vụ môi trường rừng đảm bảo nguồn thu nhập tăng gấp 1,5 lần so với mức chuẩn thu nhập nghèo nông thôn giai đoạn 2021-2025 (khoảng 40 triệu đồng/người/năm).

- Trên 90% gia đình đạt chuẩn văn hóa; 100% đồng bào DTTS được tham gia bảo hiểm y tế; 100% hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% hộ được sử dụng điện. Chỉ số phát triển con người là người DTTS thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi (HDI) đạt trên 0,69. Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- 100% hộ gia đình có khả năng truy cập Internet cáp quang cố định và Internet di động với tốc độ 1Gbps trở lên.

## IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

**1.1. Đổi mới công tác quản lý, điều hành của chính quyền theo hướng chuyển mạnh từ tư duy hỗ trợ sang đồng hành, từ làm thay sang hướng dẫn**

- Tổ chức cụ thể hóa, triển khai kịp thời, khả thi, hiệu quả các chủ trương của Trung ương và thành phố thông qua việc tích hợp, lồng ghép đồng bộ các chính sách, chương trình, kế hoạch; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án; ưu tiên nguồn lực cho hạ tầng thiết yếu, tạo sinh kế, giáo dục, y tế, chuyển đổi số, bảo vệ và phát triển rừng, sắp xếp dân cư. Bảo đảm việc phân bổ, sử dụng nguồn lực phải công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp, chồng chéo; đồng thời, thực hiện nghiêm tinh thần 6 rõ: rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ nguồn lực, rõ kết quả, sản phẩm; trong đó lưu ý phải xác định rõ sản phẩm bằng kết quả thực hiện chỉ tiêu cụ thể là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

- Tổ chức phát động sâu rộng trong hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở và vùng đồng bào DTTS và miền núi về "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành, địa phương và phù hợp với đặc điểm, điều kiện KT-XH, bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc.

- Đổi mới công tác dân vận chính quyền theo hướng gắn công tác dân vận với thực hiện nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành, địa phương với phương châm "Gần dân, sát dân, vì Nhân dân phục vụ"; tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong nắm bắt tình hình, lắng nghe, tiếp thu và giải quyết kịp thời những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân. Trọng tâm là thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân; thường xuyên tổ chức đối thoại, lắng nghe, kịp thời giải quyết kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của người dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức gần dân, hiểu phong tục, tập quán, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ và kỹ năng vận động quần chúng.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương; trong đó xác định rõ vai trò chủ trì, phối hợp đảm bảo đồng bộ, liên thông, tránh chồng chéo trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện thí điểm mô hình giảm đầu tư, hỗ trợ trực tiếp cho người dân, chuyển trọng tâm sang đầu tư các công trình phục vụ dân sinh thiết yếu; ưu tiên nguồn lực xây dựng, nâng cấp hạ tầng giao thông, điện, nước… tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ tốt hơn, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm hiệu quả, bền vững trong sử dụng nguồn lực đầu tư công.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá hằng quý về mức độ triển khai, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tại Đề án. Thường xuyên kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, đạo đức công vụ và chất lượng phục vụ Nhân dân; lấy mức độ thay đổi của người

dân, kết quả phát triển KT-XH và mức độ chuyển biến của Đề án làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sở, ban, ngành, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức.

**1.2. Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân vùng đồng bào DTTS trong thực hiện các nội dung của Đề án**

- Tổ chức ký cam kết giữa cấp uỷ đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH với đại diện cộng đồng dân cư về các quy định của địa phương đối với các nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng – an ninh vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tích cực tham gia các hoạt động, phong trào thi đua tại địa phương do các cấp, các ngành phát động trên tinh thần tự giác, tự nguyện; đồng thời, hiểu đúng, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích thiết thực của các chương trình, chính sách dân tộc tại địa phương, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Thay đổi nhận thức, thói quen, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cuộc sống của chính mình trong việc vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế, chủ động học nghề, tạo việc làm, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, từng bước nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

**2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

**2.1. Phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập**

- Thực hiện hỗ trợ đồng bào DTTS theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ đúng đối tượng và gắn với kết quả đầu ra; khắc phục tình trạng hỗ trợ dàn trải, nhỏ lẻ, chưa tạo được sinh kế bền vững. Rà soát nguyên nhân nghèo của từng nhóm hộ để có giải pháp phù hợp; ưu tiên hỗ trợ hộ có khả năng lao động về vốn, giống, kỹ thuật, đất sản xuất, đào tạo nghề và việc làm, từng bước thay đổi tư duy; đồng thời gắn trách nhiệm của người được thụ hưởng chính sách hỗ trợ thông qua cam kết tự vươn lên thoát nghèo, khắc phục triệt để tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

- Tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, liên kết chuỗi giá trị, phát huy lợi thế từng địa bàn; lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng như dược liệu, cây bản địa, cây ăn quả, lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng để tập trung đầu tư. Củng cố hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, nhóm sản xuất; liên kết giữa người dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện chuyển giao khoa học - kỹ thuật phù hợp với tập quán và điều kiện thực tế; xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, lấy hộ sản xuất giỏi, người có uy tín, cán bộ cơ sở làm hạt nhân hướng dẫn cộng đồng.

- Đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm; gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và lợi thế địa phương.

- Phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, kinh tế rừng và các mô hình sinh kế mới; hỗ trợ quảng bá, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn người dân sử dụng Internet, nền tảng số để quảng bá, bán hàng trực tuyến; kết nối, giới thiệu sản phẩm cộng đồng trên các phương tiện thông tin đại chúng, hỗ trợ xây dựng thương hiệu và liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã để mở rộng thị trường, tiêu thụ và bao tiêu sản phẩm.

- Tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2035; thực hiện mục tiêu đạt chuẩn xã nông thôn mới theo lộ trình đề ra tại Thông báo số 43/TB-UBND ngày 23/3/2026 của UBND thành phố về Danh sách, số lượng xã thuộc xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 và lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**2.2. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; giữ gìn tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội và nghệ thuật dân gian, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa hiện đại, phát huy vai trò cộng đồng trong bảo tồn di sản. Xóa bỏ hủ tục, mê tín dị đoan, nhất là tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; ứng dụng công nghệ, mạng xã hội để quảng bá văn hóa gắn với du lịch cộng đồng, phát triển kinh tế từ văn hóa. Xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp, phát huy đoàn kết cộng đồng gắn thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", nâng cao đời sống và mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân vùng đồng bào DTTS; bảo đảm tiếp cận bình đẳng, thuận lợi các dịch vụ y tế, chú trọng đào tạo, thu hút và phát triển đội ngũ y tế là người DTTS, người địa phương. Củng cố y tế cơ sở, sử dụng hiệu quả nhân lực, trang thiết bị; tổ chức khám, chữa bệnh, tư vấn lưu động tại khu vực khó tiếp cận, đẩy mạnh chuyển đổi số, khám chữa bệnh từ xa để người dân tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao. Vận động đồng bào thực hiện vệ sinh môi trường, dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS theo hướng toàn diện, phù hợp thực tiễn; bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ học sinh, nâng cao chất lượng trường dân tộc nội trú, bán trú. Đào tạo, thu hút, bố trí đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, chú trọng giáo viên là người DTTS và địa phương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, hướng nghiệp và liên kết đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất. Gắn giáo dục với bảo tồn bản sắc văn hóa, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng số và ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**2.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ**

- Rà soát, xác định cụ thể các địa bàn còn thiếu điện, thiếu sóng di động, Internet hoặc chất lượng kết nối thấp, có kế hoạch đầu tư, huy động doanh nghiệp viễn thông khắc phục, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và Nhân dân thông qua các hình thức phù hợp, thiết thực. Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, tra cứu thông tin, học tập, khám chữa bệnh và các dịch vụ thiết yếu. Phát huy hiệu quả tổ công nghệ số cộng đồng, bảo đảm hoạt động thực chất, thường xuyên.

- Thực hiện chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế và quảng bá văn hóa địa phương; hỗ trợ hợp tác xã, hộ sản xuất đưa sản phẩm OCOP, đặc sản địa phương lên các nền tảng số.

- Ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý rừng, sản xuất nông nghiệp, cảnh báo thiên tai, giáo dục, y tế và quản lý dân cư; hình thành các mô hình chuyển đổi số phù hợp với điều kiện miền núi, dễ tiếp cận và có khả năng nhân rộng.

**2.4. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với sinh kế**

- Thực hiện đo đạc, xác định ranh giới, giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, số hóa thông tin về đất và rừng, khắc phục tình trạng quản lý chưa thống nhất, quyền lợi của người dân tham gia bảo vệ rừng chưa được bảo đảm đầy đủ.

- Chi trả dịch vụ môi trường rừng, giao khoán bảo vệ rừng, phát triển dược liệu, lâm sản ngoài gỗ, cây bản địa, du lịch sinh thái và các mô hình sinh kế phù hợp dưới tán rừng.

- Xây dựng chuỗi liên kết giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong phát triển vùng nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp; khuyến khích áp dụng tiến bộ kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng đối với các sản phẩm có tiềm năng.

- Ứng dụng công nghệ số, bản đồ số và hệ thống cảnh báo để theo dõi diễn biến rừng, phát hiện sớm cháy rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật. Phát huy trách nhiệm của cộng đồng, người có uy tín và các tổ, nhóm nhận khoán trong bảo vệ rừng.

**2.5. Sắp xếp, bố trí dân cư; phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường**

- Việc quy hoạch, sắp xếp, bố trí dân cư phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phù hợp với quy hoạch khu vực phòng thủ và điều kiện thực tế địa phương; tổ chức rà soát, phân loại các hộ đang sinh sống phân tán, tại khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở, ngập lụt, khu vực rừng đặc dụng và những nơi không bảo đảm điều kiện sinh sống; xây dựng lộ trình sắp xếp, di dời theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

- Thực hiện sắp xếp dân cư theo hướng ổn định nơi ở gắn với ổn định sinh kế; mỗi khu tái định cư phải đồng bộ về đất ở, đất sản xuất hoặc phương án sinh kế thay thế, điện, nước, giao thông, trường học, y tế và thiết chế văn hóa.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong dự báo, cảnh báo và phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó phù hợp từng địa bàn, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai tại chỗ, nhất là ở các thôn có nguy cơ cao.

- Vận động Nhân dân bảo vệ nguồn nước, giữ gìn vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; từng bước hình thành các mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác phù hợp với điều kiện vùng đồng bào DTTS và miền núi.

**2.6. Củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận lòng dân**

- Nắm chắc tình hình địa bàn, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, lực lượng Công an, Quân đội, Biên phòng và người có uy tín. Kịp thời giải quyết vấn đề phát sinh từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng; nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với thông tin sai lệch, xuyên tạc, không để các đối tượng xấu lợi dụng kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết.

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, sát thực tế, tập trung vào các vấn đề người dân quan tâm như đất đai, hôn nhân và gia đình, phòng chống ma túy, bảo vệ rừng, tài nguyên, an ninh biên giới, tín ngưỡng, tôn giáo và an ninh mạng.

- Phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng thôn trong tuyên truyền, hòa giải, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ đường biên, cột mốc.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan đầu mối theo dõi việc triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND thành phố kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

- Chủ trì rà soát, tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực cho đội ngũ làm công tác dân tộc; thực hiện chính sách và phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào DTTS.

- Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, sở, ngành và địa phương tuyên truyền, vận động; phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô hình, điển hình, cách làm hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn UBND các xã lựa chọn, xây dựng, đánh giá và nhân rộng các mô hình "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" hiệu quả; tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các địa phương; xây dựng tiêu chí theo dõi kết quả phù hợp điều kiện thực tế từng xã.

**2. Sở Tài chính**

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành.

**3. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ứng dụng, chuyển giao khoa học - kỹ thuật; phát triển sản xuất hàng hóa, sản phẩm OCOP, mô hình sinh kế, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực quản lý; gắn phát triển sản xuất với nâng cao thu nhập, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; giao đất, giao rừng; phát triển sinh kế, dịch vụ môi trường rừng; quản lý đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư cho hộ đồng bào DTTS và miền núi; nước sinh hoạt nông thôn; ưu tiên các khu vực có nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở và các khu vực đặc biệt khó khăn, bảo đảm an toàn, ổn định đời sống Nhân dân.

**4. Sở Nội vụ**

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tiếp cận thông tin thị trường lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động vùng đồng bào DTTS và miền núi theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo vùng đồng bào DTTS và miền núi; rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục; củng cố, nâng cao chất lượng các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế.

- Thực hiện các chính sách đối với học sinh, sinh viên người DTTS; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh, gắn giáo dục với đào tạo nghề và nhu cầu việc làm; bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS trong lĩnh vực giáo dục theo quy định.

**6. Sở Y tế**

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân vùng đồng bào DTTS; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế; củng cố y tế cơ sở; khám, chữa bệnh, tư vấn tại khu vực khó tiếp cận; chuyển đổi số, khám chữa bệnh từ xa; dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh.

**7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; giữ gìn tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội, nghệ thuật dân gian; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; tuyên truyền xóa bỏ hủ tục, mê tín dị đoan; phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa, phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

**8. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi; phát triển hạ tầng số, nâng cao chất lượng phủ sóng viễn thông, xóa vùng lõm sóng, nâng cao khả năng tiếp cận và kỹ năng sử dụng dịch vụ số của người dân; hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, phát triển sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.

**9. Sở Công Thương**

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công thương; phát triển, nâng cấp hệ thống điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt; hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của vùng đồng bào DTTS và miền núi; thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử và các kênh phân phối phù hợp.

**10. Sở Xây dựng**

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quy hoạch, giao thông, nhà ở và hạ tầng kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp thực hiện đầu tư, hoàn thiện hạ tầng tại các khu bố trí, sắp xếp dân cư, bảo đảm đồng bộ về giao thông và các hạ tầng thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý.

**11. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và truyền thông về trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, xã hội ổn định, văn minh.

**12. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS và các đối tượng đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi phục vụ sản xuất, phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững.

**13. Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố**

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì triển khai các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và an ninh biên giới vùng đồng bào DTTS và miền núi; chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây mất an ninh, trật tự; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân.

**14. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng**

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Đề án; xây dựng tin, bài, chuyên trang, chuyên mục phù hợp; chú trọng tuyên truyền người thật, việc thật, mô hình, cách làm hiệu quả, gương điển hình trong phát triển sản xuất, giảm nghèo, bảo tồn văn hóa, chuyển đổi số và xây dựng đời sống mới để tạo sức lan tỏa, thúc đẩy thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong cộng đồng.

**15. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Chủ trì, phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân vùng đồng bào DTTS và miền núi thực hiện Đề án; đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng sâu sát cơ sở...; nâng cao chất lượng và đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chương trình, chính sách, dự án liên quan.

- Phối hợp xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình về "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm"; phát huy vai trò người có uy tín, lực lượng nòng cốt trong cộng đồng.

**16. UBND các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi**

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tại địa phương; cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện KT-XH, đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán và bản sắc văn hóa của từng địa bàn, bảo đảm rõ nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực và kết quả thực hiện; định kỳ hằng quý báo cáo kết quả triển khai về Ban Thường vụ Đảng ủy cùng cấp để theo dõi, giám sát kết quả thực hiện.

- Ưu tiên lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia; các cơ chế, chính sách hỗ trợ có liên quan trên địa bàn miền núi; các chương trình, dự án, đề án và nguồn lực của địa phương để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Đề án.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân phát huy vai trò chủ thể, tinh thần tự lực, tự cường, chủ động tham gia thực hiện các chương trình, dự án, mô hình phát triển sản xuất, sinh kế và các phong trào tại địa phương; tạo điều kiện để người dân tham gia đề xuất nhu cầu, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, chủ động lựa chọn, tổ chức thực hiện các mô hình "Thay đổi nếp nghĩ, cách làm" phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán và lợi thế của từng địa bàn; chú trọng phát hiện, biểu dương, nhân rộng

các mô hình, cách làm hiệu quả, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng; ưu tiên các công trình dân sinh thiết yếu, sinh kế bền vững và những vấn đề cấp thiết của người dân; không đề xuất đầu tư, hỗ trợ dàn trải, không phù hợp nhu cầu thực tế. Chủ động lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn lực để thực hiện các mục tiêu của Đề án.

- Chủ động rà soát hộ nghèo, nguyên nhân nghèo, nhu cầu học nghề, việc làm, sinh kế, nước sinh hoạt, nhà ở, đất sản xuất, sắp xếp dân cư và các nhu cầu thiết yếu khác để phối hợp với cơ quan chuyên môn triển khai giải pháp phù hợp; kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch các nguồn lực được giao; thường xuyên kiểm tra thực tế, theo dõi, đánh giá mức độ chuyển biến của người dân và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Đề án; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

Yêu cầu các sở, ban, ngành thành phố, UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ ***trước ngày 15 tháng 11 hằng năm,*** các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh, đề xuất bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) để được tổng hợp, xem xét, hướng dẫn hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./

***Nơi nhận:***
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, Các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Công an thành phố;
- Bộ chỉ huy quân sự thành phố;
- Các Sở, ban, ngành (t/h);
- UBND các xã, phường, đặc khu (t/h);
- Lưu: VT, SDTTG.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Tuấn**